

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-02-2022

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nghị

2. Ông Đinh Ngọc Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 318/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Phòng 103 - C22, ngõ 35 phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Anh M, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Phòng 103 - C22, ngõ 35 phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Người đại diện theo pháp luật cho anh Hoàng Anh M: Bà Lê Thị K, sinh năm 1954 là mẹ đẻ anh M.

Nơi ĐKKHKT: Phòng 103 - C22, ngõ 35, phường M, quận H, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hoàng Anh M kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường M, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 12-11-2009. Tại thời điểm chị

và anh M thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật sức khỏe của anh M bình thường, không có biểu hiện gì của bệnh tâm thần. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2010, anh M bị động kinh và có những biểu hiện của bệnh tâm thần nên chị và mẹ chồng là bà K có đưa anh M đi khám và điều trị, bệnh viện kết luận anh M bị động kinh, mức độ khuyết tật loại nặng và kể từ thời điểm đó anh M phải sử dụng thuốc điều trị do cấp phát hàng tháng. Đến khoảng giữa năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M bị bệnh nên được nuông chiều, không chịu lao động, hay gây sự và chửi mắng mọi người trong gia đình, hàng xóm, chị cùng mọi người khuyên bảo nhưng không được. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào đầu năm 2020, đôi bên không khắc phục được nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi sống ly thân, mẹ chồng chị đưa anh M về quê ở xã B để sinh sống còn chị sau đó đưa con về xã Đ1 để sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về nuôi con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Hoàng N, sinh ngày 10-11-2010. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh M góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bà Lê Thị K là người đại diện theo pháp luật cho anh Hoàng Anh M trình bày:

Về hôn nhân: Anh M và chị Phan Thị T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND phường M, quận H, thành phố Hà Nội vào ngày 12-11-2009. Tại thời điểm anh M và chị T thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật sức khỏe của anh M bình thường, không có biểu hiện gì của bệnh tâm thần. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh M bị động kinh, không lao động được và ảnh hưởng của bệnh nên có những bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi nhau. Đến năm 2013, gia đình có đưa anh M đi khám và điều trị, bệnh viện kết luận anh M bị động kinh, mức độ khuyết tật thần kinh loại nặng. Mặc dù hai bên gia đình có khuyên giải để vợ chồng anh M chị T đoàn tụ nhưng đôi bên không khắc phục được, đã sống ly thân từ giữa năm 2020 đến nay. Hiện nay bà đưa anh M về quê ở xã B để sinh sống còn chị T đưa con về xã Đ1 để sinh sống. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng anh M và chị T không còn, không thể đoàn tụ được, đề nghị TAND huyện Hưng Hà giải quyết theo đơn của chị T.

Về nuôi con chung: Anh M và chị T có 01 con chung là Hoàng N, sinh ngày 10-11-2010. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh M không góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về chia tài sản chung: Anh M và chị T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng đối với anh M.

Vì điều kiện công việc bận, sức khỏe yếu bà đề nghị Tòa án cho bà xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị T và anh M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Hoàng Anh M; về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng N, sinh ngày 10-11-2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị T, không yêu cầu anh M góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; về chia tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Hoàng Anh M, anh M là bị đơn, mặc dù anh M đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phòng 103 - C22, ngõ 35 phường M, quận H, thành phố Hà Nội nhưng anh M có nơi ở hiện nay tại thôn C, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và quan hệ tranh chấp là “ Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

[2] *Về tố tụng*: Bà Lê Thị K là người đại diện theo pháp luật của anh M có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình quyết định đưa vụ án ra xét xử và xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị T kết hôn với anh Hoàng Anh M tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận H, thành phố Hà Nội

vào ngày 12-11-2009, là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hòa thuận, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh M bị khuyết tật thần kinh dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được đã sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh M, bà K là người đại diện cho anh M cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh M ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị T và anh M có 01 con chung là Hoàng N, sinh ngày 10-11-2010, chị T có nguyện vọng được nuôi con chung nếu ly hôn, bà K có nguyện vọng giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị T là chính đáng, hơn nữa hiện nay anh M đang bị bệnh, không có điều kiện để chăm sóc tốt nhất cho con chung nên cần giao con chung Hoàng N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện nuôi con hoàn toàn của chị T không yêu cầu anh M góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về chia tài sản chung*: Chị T và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về yêu cầu góp cấp dưỡng đối với anh M*: Bà K không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Hoàng Anh M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Hoàng N, sinh ngày 10-11-2010 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng Anh M không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003514 ngày 24-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị T đã nộp đủ tiền án phí).

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà K vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

